

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *ATL* /UBND-NV

Tam Đường, ngày *01* tháng *4* năm 2019

V/v triển khai Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu,

Để đảm bảo cho công tác đánh giá, xếp loại công tác dân vận trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện thực hiện thống nhất đúng các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai, nghiêm túc thực hiện Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Lai Châu (*có quyết định gửi kèm*).

Tháng 11 hàng năm các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tiến hành tự đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị và gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 10/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Lưu ý: Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trường học tự đánh giá, xếp loại và tổng hợp kết quả chấm điểm các đơn vị trường học gửi về UBND huyện đúng thời gian quy định.

Căn cứ nội dung Công văn này, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Trang Trọng

Số: **248**/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **11** tháng **3** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

VĂN PHÒNG HĐND - UBND H. TAM ĐƯỜNG - LAI CHÂU

ĐẾN Số: **270**
Ngày: **21/3/2019**
Chuyển: **Đ. Trọng** - **ph. 123**
Lưu hồ sơ số:

VĂN PHÒNG NỘI VỤ H. TAM ĐƯỜNG T. LAI CHÂU

ĐẾN Số: **155**
Ngày: **13/3/19**
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới;

Căn cứ Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”;

Căn cứ Quyết định số 1899-QĐ/TU ngày 28/5/2010 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Tông Thanh Hải

*Sg: TT HU, HĐND tỉnh
Là UBND tỉnh; Tổng Nội vụ
ro: Tổng Nội vụ hướng dẫn thực hiện*

QUY ĐỊNH

Tiêu chí đánh giá, xếp loại công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi

Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân vận của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

Điều 2. Mục đích

Nhằm đánh giá nhận thức, trách nhiệm các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp, của cán bộ, công chức, viên chức trong việc triển khai các nhiệm vụ của đơn vị gắn với việc thực hiện công tác dân vận theo hướng vì nhân dân, phục vụ nhân dân; Trên cơ sở đánh giá nhằm nâng cao chất lượng công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp, phát huy các nhân tố tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo động lực thi đua, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; phát huy sức mạnh của nhân dân trong việc tham gia xây dựng và quản lý nhà nước.

Kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền là một trong những cơ sở để xem xét, đánh giá thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

Việc đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền phải dựa trên mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả công việc đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí. Việc đánh giá, xếp loại phải đảm bảo dân chủ, chính xác, khách quan, toàn diện, tránh tình trạng chấm điểm theo chủ quan, hình thức.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận chính quyền.
2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị.
3. Kết quả thực hiện chương trình cải cách hành chính.
4. Kết quả thực hiện công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân.
5. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.
6. Công tác vận động nhân dân, thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”.
7. Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể.
8. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; điếm thưởng.

Điều 5. Phương pháp, căn cứ đánh giá

Việc đánh giá, chấm điểm đối với từng nội dung tiêu chí được thực hiện căn cứ trên thang điểm và kết quả triển khai thực hiện, hồ sơ, tài liệu chứng minh của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổng số điểm theo thang điểm cho các nội dung, tiêu chí là 100 điểm, cách chấm điểm thực hiện như sau:

- Thực hiện tốt mỗi nội dung chấm điểm tối đa.
- Hoàn thành mức độ khá: Được 70% tổng số điểm.
- Hoàn thành ở mức độ trung bình: Được 50% tổng số điểm.
- Tính 0 điểm đối với các nội dung không thực hiện hoặc không đạt các mức trên.

(có biểu hướng dẫn chấm điểm cho từng tiêu chí kèm theo).

Điều 6. Các mức đánh giá, xếp loại

1. Tùy theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ mà các đơn vị đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, sau đó lấy điểm tổng cộng của các tiêu chí để xếp loại theo các mức như sau:

- Hoàn thành xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;
- Hoàn thành tốt: Từ 70 đến dưới 90 điểm;
- Hoàn thành: Từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Không hoàn thành: Dưới 50 điểm.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương bị hạ một bậc xếp loại so với mức độ xếp loại theo tổng số điểm được chấm, nếu để xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên (từ 2 người trở lên đối với các sở, ban, ngành tỉnh; các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn; từ 3 người trở lên đối với UBND các huyện, thành phố).

- Để xảy ra mất đoàn kết nội bộ.

- Để xảy ra điểm “nóng” hoặc các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, đơn thư vượt cấp.

- Không hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thời gian đánh giá, xếp loại

1. Tháng 11 hàng năm các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tiến hành đánh giá kết quả hoạt động, tự chấm điểm xếp loại (*theo biểu hướng dẫn chấm điểm gửi kèm*) và gửi về Sở Nội vụ trước ngày 25/11 hàng năm. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định trước ngày 05/12 hàng năm.

2. Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn tiến hành đánh giá kết quả hoạt động, tự chấm điểm xếp loại (*theo biểu hướng dẫn chấm điểm gửi kèm*) và gửi về Phòng Nội vụ trước ngày 15/11 hàng năm. Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận các Huyện ủy, Thành ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND huyện, thành phố xem xét, quyết định và gửi kết quả về Sở Nội vụ trước ngày 25/11 hàng năm.

3. Thời điểm đánh giá, xếp loại tính từ sau thời điểm báo cáo năm trước đến thời điểm báo cáo của năm chấm điểm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền hàng năm đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

Chỉ đạo Phòng Nội vụ hướng dẫn các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện Quy định này. Phối hợp với Ban Dân vận cùng cấp tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền hàng năm đối với các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn; tổng hợp báo cáo UBND huyện, thành phố xem xét quyết định và báo cáo kết quả về UBND tỉnh qua cơ quan thường trực (Sở Nội vụ).

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

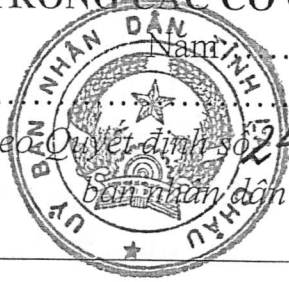
Trên cơ sở tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá, xếp loại nêu trên, hàng năm vào tháng 11, các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá, xếp loại việc thực hiện công tác dân vận chính quyền là tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế./.

BẢNG CHẤM ĐIỂM
CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN
TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Đơn vị:

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ KT, đánh giá chấm
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận chính quyền	10		
1	Ban hành văn bản, tuyên truyền, quán triệt về công tác dân vận; xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền hàng năm và giai đoạn; cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.	5		
2	Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận chính quyền tại cơ quan, đơn vị; kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ quan, địa phương, đơn vị.	3		
3	Phân công lãnh đạo phụ trách và chuyên viên theo dõi, tham mưu thực hiện công tác dân vận chính quyền tại cơ quan, địa phương, đơn vị.	2		
II	Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội	20		
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị theo chức năng nhiệm vụ được giao; các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội mang lại hiệu quả thiết thực, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, được quần chúng nhân dân đồng tình.	10		
2	Các tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị, địa phương không sai phạm, vi phạm pháp luật, lãng phí, tiêu cực, gây mất đoàn kết nội bộ.	2		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ KT, đánh giá chấm
3	Thực hiện tốt việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đó; tham mưu sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản liên quan đến quyền, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân.	3		
4	Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người nghèo, người có công ... các chế độ chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị.	5		
III	Thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính	20		
1	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính. Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Cải thiện nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với bộ máy và hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	5		
2	Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính theo quy định tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp nhận, xử lý nhanh và công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	5		
3	Quan tâm sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.	5		
4	Xây dựng công sở văn minh, thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử; tăng cường giáo dục đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; siết chặt kỷ luật hành chính, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những thiếu, vi phạm pháp luật; nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán	5		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ KT, đánh giá chấm
	bộ, công chức, viên chức theo hướng gần dân, sát cơ sở.			
IV	Thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân	10		
1	Xây dựng và thực hiện tốt quy chế tiếp công dân, niêm yết, công khai theo quy định; duy trì chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ; nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người	5		
2	Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ngay từ cơ sở.	5		
V	Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	15		
1	Kịp thời củng cố, kiện toàn phát huy vai trò của Ban chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương; ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản quy định về xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở.	5		
2	Thực hiện đảm bảo các nội dung quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP (đối với các cơ quan, đơn vị). Các nội dung quy chế dân chủ tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 (đối với xã, phường, thị trấn). Phát huy vai trò của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc tham gia quản lý và giám sát cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp.	5		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ KT, đánh giá chấm
3	<p>Tổ chức hội nghị CBCCVV đảm bảo thời gian và nội dung quy định; có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân; Ban Thanh tra Nhân dân - Giám sát đầu tư cộng đồng; Ban hành, sửa đổi bổ sung và công khai các nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.</p> <p>Tạo điều kiện để Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tham gia giám sát cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.</p>	5		
VI	Công tác vận động nhân dân; thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo”	10		
1	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng “ <i>nông thôn mới, đô thị văn minh</i> ”	3		
2	Tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình trong phong trào thi đua “ <i>Dân vận khéo</i> ” tại cơ quan, địa phương, đơn vị; thường xuyên theo dõi, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt phong trào; đưa phong trào thi đua “ <i>Dân vận khéo</i> ” đi vào hoạt động hiệu quả, nề nếp.	5		
3	Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình “ <i>Dân vận khéo</i> ” trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các đợt sinh hoạt cơ quan, đơn vị.	2		
VII	Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể	5		
1	Cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới.	3		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ KT, đánh giá chấm
2	Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, CBCCVN, người lao động và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng chính quyền. Các cấp chính quyền có lịch làm việc định kỳ 06 tháng, 01 năm với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.	2		
VIII	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, điểm thưởng	10		
1	Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân vận, báo cáo đúng thời gian quy định, đầy đủ theo yêu cầu.	2		
2	Chất lượng, nội dung báo cáo đảm bảo yêu cầu	3		
3	Cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều mô hình, điển hình “ <i>Dân vận khéo</i> ” tiêu biểu xuất sắc, có sức lan tỏa; có cách làm đổi mới, nổi bật, xuất sắc, sáng tạo trong công tác dân vận được cấp trên đánh giá, ghi nhận.	5		
TỔNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC		100		

* Ghi chú: Tài liệu minh chứng kèm theo bảng chấm điểm gồm các nội quy, quy chế, quy định, quyết định, kế hoạch, báo cáo, Nghị quyết, biên bản... và lưu tại đơn vị.